

BẢN TIN

**DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC, PHỤC VỤ
CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP**

Lưu vực sông Lam và vùng phụ cận - Tỉnh Nghệ An

(Tuần từ 30/10/2020 - 05/11/2020)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần từ 23/10 đến 13h,30/10/2020 (mm)	Lượng mưa lũy tích từ 1/1/2020 đến 13h,30/10/2020 (mm)	So sánh lũy tích với các năm cùng kỳ(+/- (%))				Lượng mưa dự báo tuần tới (mm)
				TBNN	2015	2018	2019	
1	Vinh	499,4	2766,1	+54	+140	+81	-3	533,2
2	Đô Lương	839,5	2065,2	+25	+57	+47	+53	562,9
3	Cửa Rào	107,8	1158,9	-7	+25	-30	+15	99,1
4	Tây Hiếu	136,6	1298,7	-15	+34	-26	+3	52,5
5	Nam Đàn	395,0	1810,0	+12	+69	+17	+8	371,8
6	Quỳ Châu	70,4	1898,2	+18	+80	-3	+43	61,7
7	Quỳnh Lưu	112,9	1186,0	-20	+2	-39	-22	36,7
8	Quỳ Hợp	101,7	1553,8	+1	+33	-18	+32	59,7
9	Mường Xén	66,0	1180,0	+3	+13	-10	+39	59,9
10	Nghĩa Khánh	227,0	1542,0	+9	+59	-2	+29	101,5
Trung bình		255,6	1645,9	+8	+51	+2	+20	193,9

Nhận xét:

- Tổng lượng mưa thực đo trong tuần từ 23/10/2020 đến 13h ngày 30/10/2020 trong vùng trung bình khoảng 256mm, trong đó lượng mưa đo được cao nhất là trạm Đô Lương với lượng mưa đạt 840 mm.

- Tổng lượng mưa lũy tích trong vùng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 29/10/2020 từ 1159 – 2766 mm:

+ So với trung bình nhiều năm: lượng mưa đo được tại 7/10 trạm cao hơn từ 1 - 54%, 3/10 trạm thấp hơn từ 7-20%

+ So với cùng kỳ năm 2019: lượng mưa đo được tại 8/10 trạm cao hơn từ 3 - 53%, riêng trạm Vinh thấp hơn 3%, Quỳnh Lưu thấp hơn 22%.

+ So với cùng kỳ năm 2018: lượng mưa đo được tại 7/10 trạm thấp hơn từ 2-39%, 3/10 trạm cao hơn 17-81%.

+ So với cùng kỳ năm 2015: lượng mưa đo được tại các trạm đều cao hơn từ 2-140%

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

a) Nguồn nước trữ các hồ chứa thủy lợi

TT	Tên công trình	Thiết kế (triệu m ³)		Hiện tại (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước
		Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	2015	2018	2019	
1	Cửa Ông	2,1	2,1	67	67	-19	+22	-33	-33	Giảm
2	Khe Gõ	5,4	5,2	28	25	-44	0	-72	-72	Giảm
3	Lách Bưởi	2,1	2,1	29	28	-34	+11	-71	-55	Giảm
4	Khe Làng	3,1	2,9	54	50	-31	0	-46	-46	Giảm
5	Nghi Công	2,6	2,4	71	69	-23	-23	-29	-29	Giảm
6	Khe Xiêm	3,2	3,1	61	59	-23	+22	-39	-39	Giảm
7	Khe Thị	2,7	2,5	55	52	-26	+22	-45	-45	Giảm
8	Bàu Gia	3,8	3,6	34	30	-46	-18	-66	-57	Giảm
9	Xuân Dương	9,3	9,0	57	56	-26	+10	-43	-43	Giảm
10	Kẻ Sặt	3,0	2,9	17	12	-52	-30	-83	-29	Giảm
11	Nhà Trò	4,7	4,4	53	49	-28	+23	-47	-47	Giảm
12	Đồn Húng	4,4	4,0	28	21	-39	-9	-72	-27	Giảm
13	Quản Hải	5,3	4,8	33	26	-49	-28	-67	-67	Giảm
14	Vệ Vừng	18,4	17,2	18	13	-51	-24	-82	-44	Giảm
15	Mả Tổ	6,5	6,1	34	30	-46	-18	-66	-57	Giảm
16	3/2	4,7	4,2	48	43	-35	-18	-52	-41	Giảm
17	Bà Tuyền	5,5	5,1	47	43	-22	+19	-53	-15	Giảm
18	Vực Mầu	75,0	63,7	88	86	-4	+5	-11	-12	Giảm
19	Bàu Đá	3,9	3,7	75	73	-10	+43	-25	-25	Giảm
20	Cầu Cau	2,9	2,5	100	100	+1	+6	0	0	Tăng
21	Khe Nậy	2,0	1,9	100	100	+25	+99	0	+54	Tăng
22	Cao Càng	1,6	1,6	100	100	+10	+62	0	0	Tăng
23	Khe Là	2,5	1,9	100	100	0	0	0	0	Tăng
24	Khe Đá	16,6	16,6	39	39	-37	-8	-61	-61	Giảm
25	Khe Canh	4,2	4,2	97	97	+1	-3	-3	-3	Giảm
26	Sông Sào	51,4	39,9	95	93	+2	+2	+7	+1	Tăng
27	Khe Thần	4,4	3,1	55	36	-30	-	-45	-45	Giảm
28	Khe Sân	1,5	1,4	69	68	0	-	-	-	Giảm
29	Đình Dù	1,7	1,6	52	48	-29	-3	-48	-33	Giảm
30	Mộ Dạ	2,2	2,1	15	10	-38	-	-85	-29	Giảm
31	Yên Trạch	1,1	1,1	19	19	-37	-	-53	-16	Giảm
32	Đá Bàn	1,2	1,1	17	12	-50	-	-83	-33	Giảm
33	Khe Bung	2,1	2,0	64	62	-15	-3	-26	-27	Giảm
34	Đồi Tương	2,4	2,2	57	53	-30	-32	-32	-38	Giảm
35	Bà Hào	0,5	0,5	100	100	0	-	0	0	Tăng
36	Xuân Nguyên	1,3	1,2	55	53	-35	-42	-38	-45	Giảm
NGHỆ AN		265,1	233,7	68	63	-18	+2	-29	-24	

b) Nhận xét:

Dung tích trữ hiện tại của các hồ chứa đạt 68% so với dung tích thiết kế, thấp hơn 18% so với TBNN, 24% so với năm 2019, 29% so với năm 2018 và cao hơn 2% so với năm 2015 cùng thời kỳ. Hiện tại có 5 hồ đang đầy nước là: Cầu Cau, Khe Nậy, Cao Cang, Khe Là, Bà Hảo.

Dự báo xu thế nguồn nước cuối tuần tới của các hồ có 30/36 xu thế giảm, 6/36 có xu thế tăng so với cùng kỳ năm 2019.

b) Nguồn nước trữ tại các hồ chứa thủy điện tham gia bổ sung nước cho hạ du

Tên công trình	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)		Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)		So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Dự báo xu thế nguồn nước	Lượng nước bổ sung cho hạ du (m ³ /s)
	Wtb	Whi	Wtb	Whi	TBNN	Năm 2015	Năm 2018	Năm 2019		
Bản Vẽ	1.834,6	1,383	92,5	90,1	+2,3	+6,4	-5,9	+15,7	-	63,6
T.Bình	1.834,6	1.383								

Nhận xét:

- Dung tích hồ Bản Vẽ hiện có cao hơn 2,3% so với TBNN, cao hơn 15,7% so với năm 2019, 6,4% so với năm 2015 và thấp hơn 5,9% so với năm 2018 cùng kỳ.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI VÀ NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH HẠN HÁN

2.1. Khả năng cấp nước của công trình thủy lợi

Đến thời điểm hiện tại 36 hồ trên địa bàn tỉnh Nghệ An có dung tích đạt 68% so với DTTK, thấp hơn so với cùng kỳ các năm gần đây. Theo dự báo, trong tuần tới trong vùng có mưa, lượng mưa dao động 37-563mm, trung bình toàn vùng đạt 194mm.

2.2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

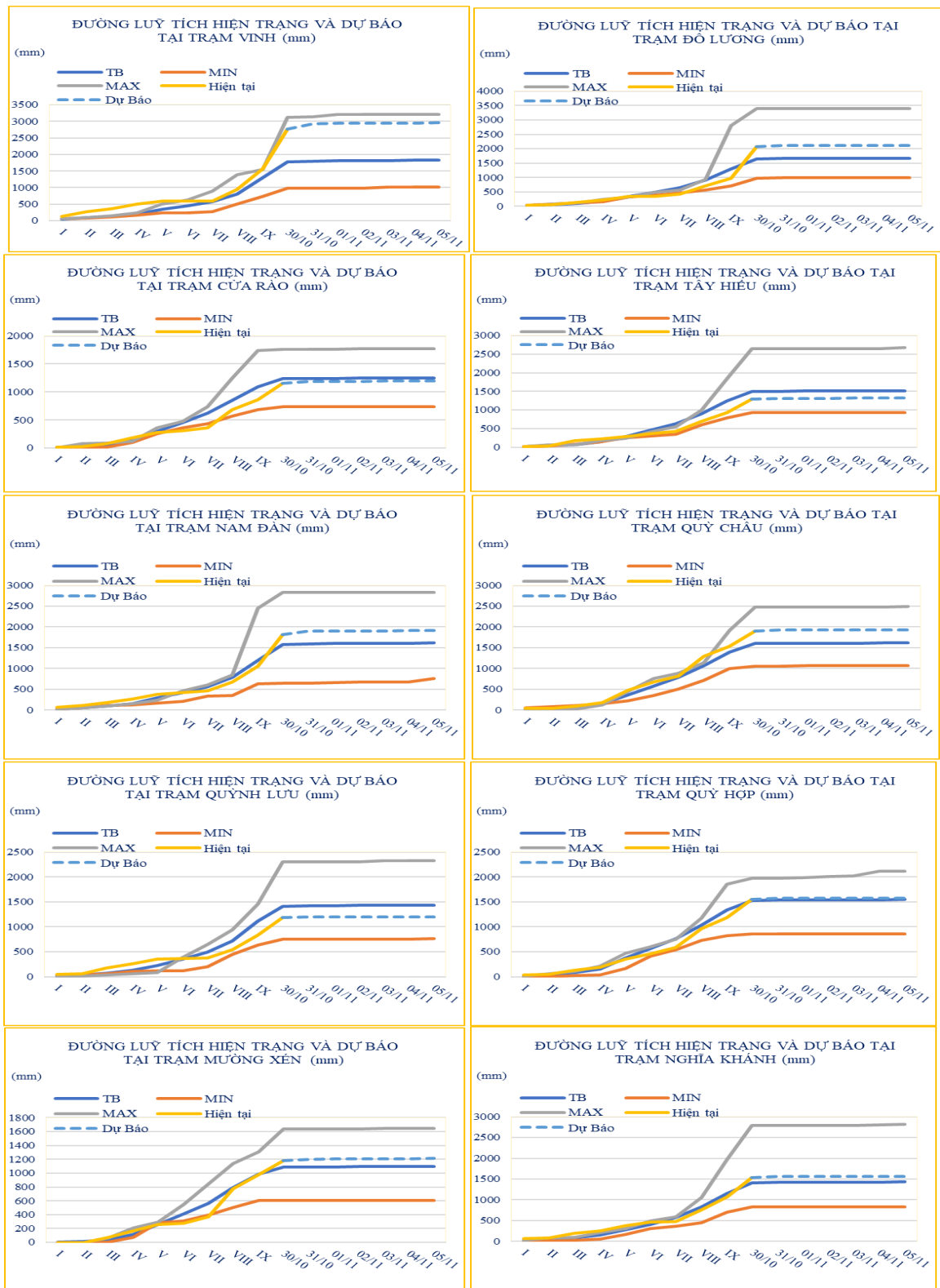
TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa từ 1/1/2020 đến 30/10/2020 và dự báo (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến Cáo
				Min	TBNN	Max	
1	Vinh	Vinh	2959,3	+189	+58	-8	Mưa rất to
2	Đô Lương	Đô Lương	2121,1	+114	+26	-38	Mưa rất to
3	Cửa Rào	Cửa Rào	1197,0	+63	-5	-33	Mưa to
4	Tây Hiếu	Tây Hiếu	1319,2	+42	-15	-51	Có mưa vừa
5	Nam Đàn	Nam Đàn	1917,8	+153	+17	-32	Mưa rất to
6	Quỳ Châu	Quỳ Châu	1929,9	+80	+19	-23	Có mưa vừa
7	Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu	1204,7	+57	-19	-48	Có mưa vừa
8	Quỳ Hợp	Quỳ Hợp	1579,5	+83	+3	-25	Có mưa vừa



TT	Tên trạm	Vùng	Lượng mưa từ 1/1/2020 đến 30/10/2020 và dự báo (mm)	So sánh mưa cùng thời đoạn (+/-%)			Khuyến Cáo
				Min	TBNN	Max	
9	Mường Xén	Mường Xén	1211,9	+100	+5	-26	Có mưa vừa
10	Nghĩa Khánh	Nghĩa Khánh	1561,5	+88	+9	-45	Mưa to

Nhận xét và khuyến cáo:

- Lượng mưa dự báo tuần tới trong vùng phổ biến từ 37-563 mm.
- Tổng lượng mưa trong vùng từ ngày 1/1 đến nay và dự báo đến cuối tuần tới cho thấy: 7/10 các trạm cao hơn từ 3 ÷ 58%, 3/10 trạm thấp hơn từ 5 ÷ 19% so với cùng kỳ TBNN.



Hình 1: Dự báo lượng mưa tại một số trạm đại diện lưu vực sông Lam

Ghi chú:

Năm TB: Lượng mưa trung bình nhiều năm

Năm min: Lượng mưa nhỏ nhất nhiều năm

Năm max: Lượng mưa lớn nhất nhiều năm

TD 2019: Lượng mưa thực đo năm 2019-2020

DB 2020: Lượng mưa dự báo năm 2020



2.3. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Tỉnh	Diện tích gieo trồng toàn tỉnh (ha)				Diện tích chuyển đổi (ha)	Diện tích không canh tác (ha)	Diện tích mất trắng (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa	Cây hàng năm	Cây lâu năm				Lúc cao nhất	Hiện tại	(tăng/giảm)
1	Nghệ An										
	Cộng										

III. PHƯƠNG ÁN TÍCH NƯỚC HỒ CHỨA CỬA VAN

TT	Tên công trình	Mức nước hồ hiện tại (m)	Lưu lượng xả hiện tại (m ³ /s)	Mức nước lớn nhất và nhỏ nhất cho phép tại thời điểm tính toán (m)			Dự báo tổng lượng dòng chảy đến tuyến công trình hết tuần (triệu m ³)	Dự báo dung tích đến cuối tuần (%)	Khuyến cáo tích nước
				MNDBT (m)	Mức nước hồ lớn nhất cho phép	Mức nước nhỏ nhất khuyến cáo			
1	Hồ Vực Mầu	20,23	0	21	20,95	18,5	11,99	98,9	Xả
2	Hồ Sông Sào	75,39	21	75,7	75,65	71,8	3,71	96,7	Xả

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ nay đến 31/10, do ảnh hưởng của hoàn lưu bão kết hợp với với không khí lạnh nên trên địa bàn tỉnh Nghệ An có khả năng sẽ xảy ra một đợt mưa to đến rất to, có nơi đặc biệt to. Vì vậy, đề nghị các địa phương, cơ quan quản lý vận hành công trình cập nhật diễn biến thời tiết để có kế hoạch tích trữ, xả nước cho phù hợp đảm bảo phát điện, cấp nước cho sản xuất năm 2021 đồng thời phải đảm bảo an toàn công trình, giảm ngập lụt cho hạ du.

Bản tin tuần tiếp theo sẽ được phát hành vào ngày 05/11/2020.

Nơi nhận:

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI

- Tổng cục Thủy lợi;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Nghệ An
- Chi cục Thủy lợi tỉnh Nghệ An;
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Bắc Nghệ An
- Công ty TNHH MTV khai thác CTTL Nam Nghệ An,
- Lưu Viện Quy hoạch Thủy lợi;

